

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H.N
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2019/DS-ST

Ngày: 26-9-2019

V/v tranh chấp hợp đồng
dân sự mua bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H.N, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí D.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoàng L.

Ông Nguyễn Tuấn L.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn T là Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.N, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H.N, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Ngô Hữu Y - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H.N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 63/2019/TLST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2019/QĐXXST- DS ngày 28 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Văn V, sinh năm 1957.

Cư trú tại: đường L.T.T, khóm L.T A, phường L.T, thị xã T.C, tỉnh An Giang.

- Bị đơn:

1. Ông Phạm Chí H, sinh năm 1977.

2. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1979.

Cùng cư trú tại: ấp 3, xã T.P 1, huyện H.N, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Phạm Văn N, sinh năm 1930.

2. Bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1936.

Cùng cư trú tại: ấp 3, xã T.P 1, huyện H.N, tỉnh Đồng Tháp.

- Người làm chứng:

1. Anh Phạm Hoàng V, sinh năm 1991.

Cư trú tại: Lô số 16A3, KCN T.N 1, phường T.N, quận B.T, thành phố Cần Thơ.

2. Ông Võ Sơn D, sinh năm 1976.

Cư trú tại: ấp 3, xã T.P 1, huyện H.N, tỉnh Đồng Tháp.

(Ông V, ông H có mặt tại phiên tòa, bà T, ông N, bà U, anh V, ông D vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Lê Văn V trình bày: Từ ngày 06/8/2018 đến ngày 31/10/2018 ông có bán thức ăn cá lóc cho ông Phạm Chí H, bà Nguyễn Thị T với các lần như sau:

Ngày 06/8/2018, thức ăn 1 ly 5, số lượng 15 bao, mỗi bao 590.000 đồng, thành tiền 8.850.000 đồng; thức ăn 2 ly 5, số lượng 40 bao, mỗi bao 590.000 đồng, thành tiền 23.600.000 đồng; thức ăn 4 ly, số lượng 25 bao, mỗi bao 510.000 đồng, thành tiền 12.750.000 đồng, tổng cộng: 45.200.000 đồng.

Ngày 12/9/2018, thức ăn 4 ly, số lượng 40 bao, mỗi bao 510.000 đồng, thành tiền 20.400.000 đồng.

Ngày 19/9/2018, thức ăn 4 ly, số lượng 40 bao, mỗi bao 510.000 đồng, thành tiền 20.400.000 đồng.

Ngày 17/10/2018, thức ăn 5 ly, số lượng 40 bao, mỗi bao 510.000 đồng, thành tiền 20.400.000 đồng.

Ngày 26/10/2018, thức ăn 6 ly, số lượng 40 bao, mỗi bao 510.000 đồng, thành tiền 20.400.000 đồng.

Ngày 31/10/2018, thức ăn 6 ly, số lượng 40 bao, mỗi bao 510.000 đồng, thành tiền 20.400.000 đồng.

Tổng cộng: 147.200.000 đồng.

Đến khi bán cá ông H, bà T không trả tiền mua thức ăn. Nay ông V yêu cầu ông H, bà T, ông N, bà U cùng có trách nhiệm trả 147.200.000 đồng tiền mua thức ăn còn nợ, không yêu cầu tính lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông V thay đổi không yêu cầu ông N, bà U cùng có trách nhiệm trả 147.200.000 đồng tiền mua thức ăn còn nợ, ông chỉ yêu cầu ông H, bà T cùng có trách nhiệm trả 147.200.000 đồng tiền mua thức ăn còn nợ, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn ông Phạm Chí H trình bày: Trước đây ông mua thức ăn nuôi cá lóc của H.L (S.T), chất lượng thức ăn đảm bảo nuôi cá lớn bán có lời. Đến khoảng tháng 6 năm 2018 không nhớ ngày, anh V, ông D giới thiệu thức ăn hiệu CP do ông V làm đại lý, giữa ông với ông V thỏa thuận mua bán với nhau việc mua bán bằng lời nói. Ông V bán bao tiêu đến khi thu hoạch cá lóc mới trả tiền không tính lãi, ông mua nhiều lần số lượng 280 bao, trong đó 55 bao thức ăn giá 590.000 đồng/bao thành tiền là 32.450.000 đồng, 225 bao thức ăn giá 510.000 đồng/bao thành tiền là 114.750.000 đồng, tổng cộng 147.200.000 đồng. Từ khi mua thức ăn của ông V đến nay chưa trả tiền, nguyên nhân do thức ăn của ông V bán không đạt chất lượng cá ăn không lớn, nên ông mua thức ăn của người khác cho cá ăn tiếp. Ông không thống nhất theo yêu cầu của ông V, ông thừa nhận còn nợ tiền thức ăn của ông V là 147.200.000 đồng, xin trả mỗi vụ 10.000.000 đồng đến khi dứt nợ, còn bà T, ông N, bà U không có liên quan.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T đã được Tòa án tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp

cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Thông báo về việc thu thập, tài liệu chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, không có ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Văn N, bà Nguyễn Thị U đã được Tòa án tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Thông báo về việc thu thập, tài liệu chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, không có ý kiến.

Ý kiến của Viện kiểm sát: Từ khi thụ lý đến xét xử vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định. Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật, bảo đảm đúng thời hạn chuẩn bị xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát. Về nội dung đề nghị chấp nhận yêu cầu của ông V, buộc ông H, bà T trả nợ với tổng số tiền 147.200.000 đồng.

Người làm chứng:

Ông Võ Sơn D trình bày: Ông không có giới thiệu ông H mua thức ăn nuôi cá của ông V.

Anh Phạm Hoàng V trình bày: Anh có giới thiệu thức ăn của Công ty, còn việc mua bán giữa ông V với ông H thì anh không biết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà T, ông N, bà U đã được Tòa án triệu tập họp lệ, nên việc xét xử vắng mặt là phù hợp với Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Ông V yêu cầu ông H, bà T, ông N, bà U trả tiền mua thức ăn còn nợ. Đây là tranh chấp hợp đồng dân sự quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Nội dung tranh chấp: Ông V khởi kiện yêu cầu ông H, bà T, ông N, bà U trả 147.200.000 đồng tiền mua thức ăn còn nợ. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông V thay đổi chỉ yêu cầu ông H, bà T trả 147.200.000 đồng. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu phù hợp với khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Ông V với ông H có xác lập giao dịch mua bán thức ăn với nhau, việc mua bán diễn ra nhiều lần, có sổ sách theo dõi mỗi lần mua bán, phương thức thanh toán kết thúc xong thu hoạch cá, khi ông V giao thức ăn ông H ký nhận vào hóa đơn, trong hóa đơn thể hiện rõ kích cỡ, số lượng, đơn giá, cụ thể:

Ngày 06/8/2018, thức ăn 1 ly 5, số lượng 15 bao, mỗi bao 590.000 đồng, thành tiền 8.850.000 đồng; thức ăn 2 ly 5, số lượng 40 bao, mỗi bao 590.000 đồng, thành tiền 23.600.000 đồng; thức ăn 4 ly, số lượng 25 bao, mỗi bao 510.000 đồng, thành tiền 12.750.000 đồng, tổng cộng: 45.200.000 đồng.

Ngày 12/9/2018, thức ăn 4 ly, số lượng 40 bao, mỗi bao 510.000 đồng, thành tiền 20.400.000 đồng.

Ngày 19/9/2018, thức ăn 4 ly, số lượng 40 bao, mỗi bao 510.000 đồng, thành tiền 20.400.000 đồng.

Ngày 17/10/2018, thức ăn 5 ly, số lượng 40 bao, mỗi bao 510.000 đồng, thành tiền 20.400.000 đồng.

Ngày 26/10/2018, thức ăn 6 ly, số lượng 40 bao, mỗi bao 510.000 đồng, thành tiền 20.400.000 đồng.

Từ khi mua thức ăn của ông V, ông H, bà T chưa trả tiền cho ông V được ông H thừa nhận. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông H thừa nhận còn nợ tiền thức ăn của ông V là 147.200.000 đồng.

[5] Đối với bà T Tòa án đã triệu tập đúng quy định bà không trình bày ý kiến, vắng mặt tại phiên tòa là từ bỏ quyền lợi của mình. Hóa đơn ngày 31/10/2018, thức ăn 6 ly, số lượng 40 bao, mỗi bao 510.000 đồng, thành tiền 20.400.000 đồng thể hiện bà ký nhận và cũng được ông H thừa nhận, bà vẫn biết ông H mua thức ăn của ông V để nuôi cá, sống chung nhà với ông H, nuôi cá phát sinh lợi nhuận đáp ứng nhu cầu thiết yếu gia đình, bà có nghĩa vụ cùng ông H trả tiền mua thức ăn còn nợ cho ông V. Vì vậy, yêu cầu của ông V là có cơ sở chấp nhận.

[6] Đối với ông H xin trả mỗi vụ 10.000.000 đồng đến khi dứt nợ, ông V không thống nhất, ông không có chứng cứ nào chứng minh mà chỉ là trình bày.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của ông V, buộc ông H, bà T trả nợ với tổng số tiền 147.200.000 đồng. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

Từ những nhận định, chấp nhận yêu cầu của ông V, buộc ông H, bà T trả cho ông V 147.200.000 đồng tiền mua thức ăn còn nợ.

[8] Về án phí: Yêu cầu của ông V được chấp nhận, ông H, bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

8.1. Ông H, bà T phải chịu 7.360.000 đồng (Bảy triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

8.2. Ông V được miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, do ông là người cao tuổi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 430, 440 của Bộ luật dân sự 2015, Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Lê Văn V.

2. Buộc ông Phạm Chí H, bà Nguyễn Thị T trả cho ông Lê Văn V 147.200.000 đồng (Một trăm bốn mươi bảy triệu hai trăm nghìn đồng) tiền mua thức ăn còn nợ.

3. Về án phí:

3.1. Ông Phạm Chí H, bà Nguyễn Thị T phải chịu 7.360.000 đồng (Bảy

triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Ông Lê Văn V được miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, do ông là người cao tuổi.

4. Về nghĩa vụ thi hành án:

4.1. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4.2. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKS nhân dân huyện H.N;
- THADS huyện Hồng Ngự;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Chí D